

# HỆ THỐNG GIÁ TRỊ ĐẶC TRƯNG VÀ NGUYÊN TẮC ĐỊNH HƯỚNG TU BỔ DI TÍCH KIẾN TRÚC VIỆT

DOÀN BÁ CỦ

**D**ười Việt có những hoàn cảnh, điều kiện và quan niệm riêng trong sáng tạo, gìn giữ những công trình cổ của mình. Vì vậy, di tích kiến trúc truyền thống Việt có những đặc điểm bản sắc riêng. Chúng ta hầu như không có những công trình cổ hoành tráng, kì vĩ và lộng lẫy như của nhiều dân tộc khác, nhưng di tích của ta lại chưa đúng những giá trị riêng vô cùng phong phú. Dưới một góc nhìn nào đó, chúng là những ngôi nhà gỗ cổ, thấp bé, rêu phong nhưng hàm chứa biết bao giá trị đặc trưng, mà góc độ này là những chứng nhân của lịch sử và là lời nhắn gửi của tiền nhân, đồng thời là trí tuệ sáng tạo, bàn tay tuyệt vời phản ánh tâm hồn Việt, ở góc độ khác lại là dấu ấn của lịch sử, là văn hoá và nguồn tài nguyên cho du lịch.

Hệ giá trị của di tích Việt thật là phong phú và có nhiều cách phân loại. Ta hãy tạm phân tích thành những giá trị gốc, tự thân và những giá trị phái sinh hay giá trị phát huy tác dụng.

## 1. Những giá trị gốc của di tích kiến trúc Việt.

Lý luận về bảo tồn di sản châu Âu hiện đại coi các công trình cổ là một tài sản có giá trị kép, nó vừa là một tác phẩm nghệ thuật lại vừa là cứ liệu lịch sử. Tiếp cận với lý luận thế giới, và Luật Di sản Văn hoá Việt Nam thì những giá trị lịch sử, văn hoá và khoa học là giá trị gốc rễ của di tích. Nhà nước xếp hạng, phân cấp các công trình và địa điểm lịch sử dựa trên các tiêu chí sau:

- Công trình và địa điểm lịch sử gắn với những sự kiện tiêu biểu trong quá trình dựng nước và giữ nước, những sự kiện lịch sử tiêu biểu của các thời kì cách mạng, kháng chiến; các công trình gắn với thân thể và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân đất nước.

- Quần thể công trình kiến trúc hoặc công trình kiến trúc đơn lẻ có giá trị tiêu biểu về kiến trúc, nghệ thuật của một hay nhiều giai đoạn lịch sử.

- Địa điểm có giá trị tiêu biểu về khảo cổ.

Di tích kiến trúc không chỉ là sản phẩm văn hoá vật thể mà còn là sản phẩm văn hoá tinh thần của một hoặc nhiều thời kì, mà hoà và bám vào nó theo chiều dài lịch sử còn chính là một số vấn đề thuộc lịch sử và văn hoá của một vùng, một dân tộc. Nó chính là nhân chứng, là tư liệu, là những cứ điểm, những cơ sở phản ánh lịch sử. Sự tồn tại của chúng đã giúp thế hệ sau nhớ về truyền thống với những bài học lịch sử khoa học sâu sắc.

Đối với loại hình di tích lịch sử, giá trị về kiến trúc nghệ thuật của công trình không quá lớn mà chính yếu là giá trị lịch sử, giá trị lưu niêm, tưởng niệm đáng tôn vinh của nó. Di tích của ông cha truyền lại giúp chúng ta và bạn bè hiểu được nguồn gốc của chúng ta, diễn trình phát triển của xã hội chúng ta, xác định cội nguồn của thế hệ đang sống và truyền thống, bản sắc của nền văn hiến dân tộc. Đó là giá trị lịch sử, văn hoá giá trị khoa học. Thông thường một di tích lịch sử văn hoá đã hội tụ đầy đủ các giá trị này.

Tuy nhiên, một di tích kiến trúc nghệ thuật phải hàm chứa nhiều đặc điểm về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, tổ hợp không gian kỹ thuật xây dựng liên quan tới nó, của một hoặc nhiều thời kì mà nó đã tồn tại. Chúng có thể thiên về giá trị của một tác phẩm kiến trúc nghệ thuật, thiên về giá trị lịch sử nghệ thuật hoặc thiên về giá trị lịch sử văn hoá vật chất. L.Bezacier, một học giả Pháp đầu thế kỉ XX đã dày công nghiên cứu nghệ thuật Việt nhận xét: "Trong số các biểu hiện nghệ thuật thì kiến trúc là miếng



đất thông dụng nhất và đặc thù nhất của trí sáng tạo Việt Nam."

Một kiến trúc được xem là di tích lịch sử văn hóa vật chất thường có niên đại càng xa thì được coi là càng có giá trị. Còn di tích kiến trúc nghệ thuật thì phải có các giá trị nghệ thuật và yếu tố lịch sử nghệ thuật được hàm chứa ở mức độ cao. Song, tất nhiên nếu như nó có được niên đại càng xa, hoặc chí ít giữ được những thành tố có niên đại càng xa thì càng quý.

Các kiến trúc cổ của chúng ta không những hài hòa trong tạo tác tổ hợp công trình, mà còn thường được đặt vào những vị trí đẹp cả về cảnh quan (với cây xanh, núi non, sông hồ, mặt nước). Kiến trúc không thể tách rời thiên nhiên và nhiều khi cả với cái thiêng. Kiến trúc tô điểm cho thiên nhiên và ngược lại, cảnh quan thiên nhiên đã tôn vinh vẻ đẹp ngàn xưa cho di tích.

Ở khắp Đông – Tây, công trình kiến trúc đã được dựng lên, trước hết bao giờ cũng có chức năng sử dụng. Tuy nhiên, ở Châu Âu, hầu hết các công trình lịch sử là di tích "chết" vì "hồn xưa" phai mờ. Ngược lại, hầu hết các di tích kiến trúc lịch sử văn hóa của chúng ta nhờ gắn với tín ngưỡng, tôn giáo, với truyền thống uống nước nhớ nguồn, nên vẫn đang "sống" mạnh mẽ với chức năng lâu đời của nó.

Tín ngưỡng và tôn giáo với người Việt tuy không sâu sắc, nhưng rộng. Nếu như coi tục thờ cúng tổ tiên, thờ anh hùng dân tộc cũng là một thứ tín ngưỡng, thì theo GS. Đặng Nghiêm Vạn "một người Việt Nam tham gia từ 2,5 đến trên 3 hành vi tôn giáo"(1). Hãy nhìn vào dòng khách ngày càng đông đến mỗi di tích (nhất là trong ngày lễ Tết, lễ hội) và phỏng đoán: bao nhiêu phần là khách du lịch, bao nhiêu phần đến tham quan nghiên cứu và bao nhiêu là đến với tâm linh ? Rõ ràng là giá trị sử dụng xưa còn rất quan trọng trong hệ giá trị của di tích Việt.

Cũng như lịch sử, di tích kiến trúc chính là những cái chốt, mốc rất vật thể để những giá trị văn hóa phi vật thể khác bám víu vào. Người ta có thể hát chèo ở nhà hát, nhưng chỉ có thể tổ chức lễ hội và các sinh hoạt văn hóa cộng đồng truyền thống khác, thể hiện bản sắc dân tộc sâu sắc ở những kiến trúc phù hợp mà thôi.

Với những phân tích trên, có thể xem di tích kiến trúc Việt hàm chứa những giá trị đặc trưng gốc rễ sau :

1. Giá trị lịch sử, lưu niệm, tưởng niệm (gắn bó với những sự kiện lịch sử, giai đoạn lịch sử,

nhân vật lịch sử và danh nhân của đất nước trong mọi thời kỉ).

2. Giá trị lịch sử văn hóa hay giá trị khoa học (gắn với lịch sử văn hóa vật chất, lịch sử nghệ thuật cũng như các đặc điểm xã hội học, dân tộc học, tôn giáo, ...).

3. Giá trị kiến trúc nghệ thuật (bố cục, tỷ lệ, phong cách, quy mô, kiến trúc, điêu khắc, hội họa cũng như các thủ pháp nghệ thuật khác).

4. Giá trị không gian văn hóa truyền thống, không gian thiêng, giá trị sinh thái văn hóa truyền thống.

5. Giá trị sử dụng (thờ tự, lễ hội, kỉ niệm, ...).

6. Giá trị văn hóa phi vật thể khác (phong tục tập quán, nghệ thuật truyền thống, văn hóa tâm linh, ...).

Những giá trị gốc rễ nói trên sẽ sinh ra những giá trị phái sinh. Người ta bổ tôn trọng gìn giữ được những giá trị gốc rễ hoặc ít nhất là những giá trị tiêu biểu nhất đã phân tích trên đây sẽ đạt được tính xác thực với di tích của tổ tiên.

## 2 – Những giá trị phái sinh của di tích kiến trúc .

Di tích lịch sử văn hóa là hiện thân tiêu biểu về các giá trị, trong đó chứa đựng sự hoàn thiện mang tính người, tính lịch sử và tính văn hóa.

Giá trị phái sinh đầu tiên của di tích kiến trúc là giá trị nhận thức. Di tích Việt có giá trị nhận thức bởi vì chúng là sản phẩm của hoạt động trí tuệ và hoạt động vật chất của người xưa. Nó chính là những bảo tàng phong phú nhưng tản漫 về đất Việt, người Việt xưa.

Trong xã hội loài người, kiến trúc vừa thuộc lĩnh vực vật chất lại vừa thuộc về văn hóa về kiến trúc thương tầng của xã hội. Các di tích kiến trúc của chúng ta phần lớn lại gắn bó với những sự kiện lịch sử, những anh hùng, những danh nhân đất nước ; hoặc chí ít cũng là những con người bình dị vừa lịch sử vừa huyền thoại mà có công với một quần cư nhất định, thông qua truyền thống uống nước nhớ nguồn. Trong lịch sử, di tích lại thường được trùng tu bằng tiền công đức và dựng bia ghi lại. Nên bên cạnh những thông tin về lịch sử, về các đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, lực lượng sản xuất, quan hệ xã hội, địa danh hành chính, các quan niệm về văn hóa và thẩm mỹ, chúng còn có khả năng là những tài liệu khoa học, tài liệu lịch sử quan trọng góp phần nhìn về quá khứ .

Nhóm giá trị phái sinh thứ hai của di tích kiến trúc là giá trị xúc cảm thẩm mỹ và giáo dục . Với

tư cách là những công trình sáng tạo nghệ thuật mang tính nhân văn truyền thống , chúng được cảm thụ mang lại vẻ đẹp cho đất Việt và truyền vẻ đẹp vào tâm hồn Việt .Với khả năng nhận thức và phổ biến rộng rãi , đặc biệt là qua các hoạt động văn hoá truyền thống và lễ hội, qua các kết quả nghiên cứu, giáo dục, chúng góp phần truyền lại tinh thần cùng bản sắc văn hoá truyền thống Việt cho hôm nay và mai sau. Trong tư duy người dân Việt, các Thần linh, dù là những nhân thần, thiên thần hay thiêng thần đều mang chức năng khuyến thiện, trừ tà ác. Một nén hương dâng lên là lúc tự kiềm mình, hướng thiện và giải tỏa ẩn ức trong tâm linh, mà những gì phi vật thể, hội tụ ở di tích, đã góp phần đáp ứng. Giá trị giáo dục này được phát huy sẽ đóng góp cho người Việt vững bước hội nhập và phát triển, nhưng vẫn mãi giữ gìn được bản sắc tốt đẹp của tổ tiên.

Giá trị phái sinh thứ ba của di tích lịch sử văn hoá là nguồn tài nguyên cho du lịch. Cuộc sống ngày càng phát triển, đất nước càng hội nhập, di tích càng được tu bổ tôn tạo tốt, thì sức thu hút khách tham quan du lịch trong và ngoài nước ngày càng cao, kinh tế và văn hoá song hành cùng phát triển.

Từ đấy các giá trị nhận thức, giá trị thẩm mỹ và giáo dục được phát huy, góp phần xây dựng con người Việt Nam mới, xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiến tiến đậm đà bản sắc dân tộc và làm cho bạn bè quốc tế hiểu Việt Nam, yêu Việt Nam hơn.

Vậy là có thể xem các giá trị gốc rễ đã phái sinh ra ba giá trị phát huy tác dụng:

1. Giá trị nhận thức: Nhìn về quá khứ, phát triển con người.
2. Giá trị giáo dục: Nhìn về tương lai, phát triển con người.
3. Giá trị tài nguyên cho du lịch: Phát triển kinh tế.

Hệ thống giá trị của di tích kiến trúc có mối quan hệ hữu cơ phái sinh sẽ hợp thành một giá trị to lớn, thường gọi là giá trị phát huy tác dụng. Mục đích tu bổ di tích của chúng ta không chỉ là bảo tồn mà điều hướng tới là phát huy giá trị, phát huy nguồn nội lực mà lịch sử dân tộc đã để lại cho chúng ta.

Hệ giá trị đặc trưng của di tích Việt Nam được tổng hợp, thể hiện trong sơ đồ 1 dưới đây, trên con đường "đến hiện đại từ truyền thống", mỗi người quản lý, người tu bổ di tích cần nghiên cứu

sâu sắc hệ giá trị đặc trưng này, đồng thời tôn trọng cả giá trị gốc rễ và phái sinh để bảo tồn và phát huy giá trị của di tích kiến trúc, chắc sẽ đạt được cá tính xác thực và khoa học.



Sơ đồ 1 : Sơ đồ hệ giá trị đặc trưng của di tích kiến trúc Việt

### 3– Hệ nguyên tắc định hướng trong tu bổ di tích kiến trúc Việt Nam .

3.1 – Nguyên tắc bảo tồn và phát huy giá trị của di tích kiến trúc .

Mục đích chủ yếu của tu bổ di tích kiến trúc Châu Âu là bảo tồn tác phẩm nghệ thuật và bằng chứng lịch sử. Vì thế họ đề cao tính lịch sử và đưa lên hàng đầu nguyên tắc đảm bảo tính nguyên gốc. Tu bổ di tích kiến trúc Việt có mục đích rộng hơn: bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hoá, phát huy nguồn nội lực cho hiện tại và tương lai dân tộc.Những công trình kiến trúc mà ông cha ta sáng tạo ra, nay còn lại không nhiều và hầu hết không còn nguyên vẹn và "nguyên gốc". Những gì còn lại ấy dù có niên đại khác nhau, dù mang ảnh hưởng của nền văn hoá nào, dù gắn với lịch sử hay gắn với tôn giáo nào cũng đều là con đẻ của nền kinh tế, kĩ thuật Việt, trí tuệ và tâm hồn Việt , là con đẻ của lịch sử và văn hoá Việt Nam, và đều hàm chứa hệ giá trị đặc trưng đã phân tích trên.

Vì vậy, việc tu bổ phục hồi di tích phải tôn trọng và phát huy hệ thống giá trị đặc trưng

trong đó ưu tiên giá trị tiêu biểu của di tích kiến trúc là nguyên tắc có tính định hướng xuyên suốt. Nguyên tắc này là tiêu chuẩn để xem xét áp dụng những lí luận nào, giải pháp nào phù hợp với nó thì có thể đưa vào tu bổ di tích.

### 3.2 – Vận dụng những nguyên tắc khoa học phổ quát .

Khoa học tu bổ phục hồi di tích kiến trúc châu Âu xác định những nguyên tắc phổ quát sau:

1. Nhiệm vụ chủ yếu của công tác tu bổ là bảo quản gia cổ , bảo đảm cho di tích tồn tại lâu dài ở dạng nguyên gốc.
2. Phải thận trọng và chú ý tới những bối xung được đánh giá là những sự đóng góp có giá trị của đời sau.
3. Chỉ phục hồi trên những nguyên liệu gốc và tài liệu nguyên bản. Việc tu bổ phục hồi phải dừng lại tại nơi mà sự phỏng đoán bắt đầu.
4. Phải nghiên cứu và thảo luận thận trọng khi quyết định các phương án, giải pháp tu bổ phục hồi di tích.

Trong ba yêu cầu cơ bản của tu bổ phục hồi di tích về tính nguyên gốc, tính xác thực và tính tiêu biểu, họ coi trọng hàng đầu tính nguyên gốc. Họ còn cho rằng khi tính nguyên gốc không còn thì di tích cũng không còn.

Những nguyên tắc cơ bản đó là khoa học, là đúng đắn với các di tích đá bền vững và rất ít biến đổi ở Châu Âu. Song, ai cũng biết rằng chỉ áp dụng nguyên xi nguyên tắc đó sẽ không thể gìn giữ được các di tích Việt . Các cấu kiện gỗ trong điều kiện thiên nhiên khí hậu nước ta xuống cấp rất mau chóng , nếu không có những biện pháp tu sửa triệt để sẽ không thể bảo tồn được lâu dài . Vì vậy , bên cạnh bảo quản và gia cố thì tu sửa nổi lên là một nhiệm vụ chủ yếu . Trong tu bổ phục hồi di tích phải bảo đảm giữ gìn những yếu tố nguyên gốc là nguyên tắc bảo tồn của tu bổ di tích nước ta .

Hệ giá trị của di tích kiến trúc Việt Nam rất phong phú, gắn kết mật thiết với lịch sử văn hoá, mà đặc biệt là tinh thần và tình cảm dân tộc. Ý nghĩa phổ quát nổi bật của di tích nước ta không chỉ là thành tựu văn hoá hay lịch sử văn hoá vật chất, mà còn ở một quá trình tiến triển liên tục, một biểu tượng tinh thần và tình cảm truyền thống của dân tộc. Người Việt ta không duy lí, tư biện đến mức coi nhẹ tinh thần và tình cảm truyền thống hơn cái hình hài vật chất, để nhẫn tâm nhìn những “cái nguyên gốc” điêu tàn đổ nát, những bức tượng gãy vỡ, long

hở, mà không được tu bổ phục hồi. Cuộc sống tinh thần và tâm linh của nhân dân cũng như yêu cầu phát huy giá trị di sản văn hoá không cho phép chúng ta nhìn những gì của tổ tiên để lại bị phôi pha, tàn tạ mà không được phục hồi tôn tạo. Ngược lại là có tội với quá khứ, là không bảo tồn và phát huy giá trị của di sản lịch sử văn hoá . Vì vậy , việc phục hồi các bộ phận sai lạc , các thành tố đã mất , phục hồi các phế tích sẽ không dừng lại khi thiếu tài liệu nguyên bản.

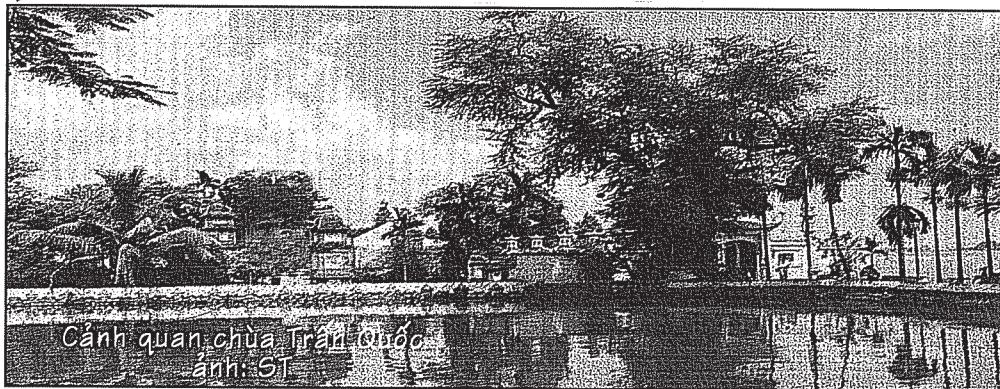
Lí luận này, chắc còn gấp nhiều ý kiến bất đồng. Song trong hơn mười năm qua, những công trình phục dựng các nhà che bia ở Văn Miếu Hà Nội, tu bổ Văn Miếu Bắc Ninh, phục dựng Văn Miếu Trần Biên, tam bảo chùa Thiên Trù Hương Sơn, chùa Hoa Yên - Yên Tử, chùa Non - Sóc Sơn ... đã được sự đồng tình của đông đảo chuyên gia và xã hội. Đó chính là nét đặc trưng phương Đông và cũng là bản sắc Việt Nam trong tu bổ di tích hiện nay.

Tuy nhiên, việc nghiên cứu phục hồi phải dựa trên tất cả những gì nguyên bản và xác thực trong nghiên cứu tư liệu, nghiên cứu hiện trạng, nghiên cứu khảo cổ và nghiên cứu bổ xung về cả các yếu tố vật thể và phi vật thể thuộc về di tích và thời đại. Đó là các cứ liệu khoa học thể hiện tính xác thực để tu bổ phục hồi. Vì vậy , bên cạnh tính nguyên gốc thì tính xác thực cũng nổi lên hết sức quan trọng và tính xác thực phải được hiểu theo tinh thần của văn kiệt Nara .

### 3.3 – Các nguyên tắc xử lí mối quan hệ giữa bảo tồn với tôn tạo và thích nghi .

Theo Luật Di sản Văn hoá, khái niệm tôn tạo cùng với gia cổ và tu sửa nằm ngay trong nội hàm của khái niệm tu bổ di tích. Điều ấy có nghĩa là bảo tồn và tôn tạo di tích luôn song hành trong hoạt động tu bổ di tích kiến trúc Việt. Người kiến trúc sư tu bổ sẽ phải giải quyết mối quan hệ này.

Nếu chỉ bảo quản, gia cổ và tu sửa, có thể bảo tồn được các giá trị lưu niệm, giá trị lịch sử văn hoá vật chất, giá trị kiến trúc nghệ thuật . mà thiếu quan tâm đến giá trị sử dụng, giá trị sinh thái văn hoá truyền thống và giá trị phi vật thể khác của di tích kiến trúc... có nghĩa là thiếu tôn tạo sẽ dễ thiếu cải thiện các điều kiện môi trường tồn tại và điều kiện khai thác di tích kiến trúc. Từ đây, hệ giá trị phát huy tác dụng của di tích cũng bị hạn chế.



Cảnh quan chùa Trấn Quốc  
anh: ST

Nếu quá quan tâm đến tôn tạo, mà thiếu chăm lo các biện pháp bảo tồn, thì có thể bảo tồn phát huy được giá trị sử dụng và các giá trị tâm linh phi vật thể, còn các giá trị gốc rễ khác như giá trị lịch sử lưu niêm, giá trị lịch sử văn hóa vật chất...rất dễ bị tổn thương. Từ đấy hệ giá trị đặc trưng của di tích kiến trúc khó tránh khỏi bị tổn thất.

Qua đấy, có thể thấy rằng chỉ thiên về bảo tồn hoặc tôn tạo là không đủ, không toàn diện với di tích Việt. Một sự gắn kết hài hoà giữa truyền thống - hiện đại và quan tâm toàn diện đến sự cân bằng giữa các giá trị, các nhu cầu sẽ là cần thiết. Trong mối quan hệ ấy:

Cần lấy bảo tồn toàn diện hệ thống giá trị đặc trưng của di tích làm phương châm, lấy tôn tạo kiến trúc và kĩ thuật làm phương tiện để hỗ trợ và phát huy tác dụng và giá trị của di tích là một nguyên tắc xử lí mối quan hệ giữa bảo tồn và tôn tạo di tích. Theo nguyên tắc này, mọi giải pháp tôn tạo sẽ chỉ đúng nghĩa là tôn tạo và không bị chặn lại nếu như nó tôn lên hoặc ít nhất không làm tổn thất hệ giá trị mà trước hết là giá trị tiêu biểu của di tích kiến trúc.

Thích nghi là những biến đổi nhất định cho phù hợp với hoàn cảnh mới. Đối với cuộc sống của một di tích kiến trúc, hoàn cảnh mới ấy thông thường là hoàn cảnh không gian môi trường biến đổi do quy hoạch biến đổi buộc nó phải biến đổi thích hợp để thích nghi.

Xưa kia, tổ tiên ta đã từng di chuyển hay xoay hướng công trình vì một lí do nào đó. Ngày nay, đất Việt đang chuyển mình mạnh mẽ trên con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Việc quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch phát triển đô thị và nông thôn là không tránh khỏi. Song, không giải tỏa phục hồi được không gian lịch sử cho di tích, mà lại gây biến đổi khác, chỉ là vạn bất đắc dĩ.

Có thể đề xuất một nguyên tắc: Người quy

hoạch và kiến trúc phải coi những di tích tọa lạc trên những mảnh đất thiêng, được pháp luật và nhân dân bảo vệ này là những nhân tố lịch sử, văn hóa quan trọng và cố định tham gia vào quy hoạch đô thị, nông thôn. Mọi quy hoạch và xây dựng mới nếu không thể giữ trọn được khu vực bảo vệ, có nghĩa là không thể bảo tồn được không gian môi cảnh của di tích kiến trúc thì cũng phải rộng hơn khu vực I và phải mang nội dung tôn tạo thích nghi. Nghĩa là những biến đổi nhất định trên phần đất còn lại xung quanh di tích phải theo hướng cải thiện tốt nhất điều kiện môi trường tồn tại và điều kiện tiếp cận khai thác di tích để bảo vệ và phát huy giá trị di tích trong điều kiện hoàn cảnh mới.

Đối với cuộc sống của một di tích kiến trúc, hoàn cảnh thay đổi có thể là điều kiện hoặc yêu cầu về chức năng sử dụng. Thích nghi trong trường hợp ấy là biến đổi một phần chức năng sử dụng cho phù hợp với yêu cầu của thời đại. Một nguyên tắc biến đổi là: thích nghi không được làm tổn hại đến những giá trị hiện tồn ở di tích. Khi ấy, việc tạo điều kiện cho các di tích kiến trúc thích ứng với những yêu cầu đương đại là hình thức tốt để tiếp sức, hồi sinh cho di tích, nhằm bảo vệ và phát huy các giá trị vật thể và phi vật thể của chúng cho cuộc sống đương đại.

Di tích kiến trúc cũng như di sản văn hóa nói chung được bảo tồn và phát huy chính bởi những giá trị hiện tồn của nó vẫn còn khả năng phát huy trong đời sống đương đại. Trên con đường "đến hiện đại từ truyền thống" không những cần bảo tồn tôn tạo di tích mà còn cần nghiên cứu kế thừa và phát triển truyền thống tu bổ tôn tạo di tích của tổ tiên xưa.

Đ.B.C